

LỰA CHỌN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI NGOÀI TÒA ÁN TRONG THỜI ĐẠI MỚI Ở VIỆT NAM

TRẦN DANH PHÚ*

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự vận động phức tạp của các quan hệ thương mại toàn cầu, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án (một số quốc gia trên thế giới gọi là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại lựa chọn - ADR) ngày càng khẳng định vai trò thiết yếu tại Việt Nam. Trong bối cảnh "kỷ nguyên bứt phá" – giai đoạn mà Việt Nam hướng tới tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, giải phóng nguồn lực và xây dựng nền kinh tế số, kinh tế xanh – việc ưu tiên các phương thức ADR như thương lượng, hòa giải và trọng tài là tất yếu khách quan. Các phương thức này không chỉ khắc phục những hạn chế cố hữu của hệ thống tư pháp truyền thống (quá tải, chậm trễ, chi phí cao, thiếu bảo mật) mà còn phù hợp với văn hóa trọng hòa khí của người Việt, đồng thời đáp ứng yêu cầu linh hoạt, hiệu quả và có khả năng thi hành quốc tế, qua đó củng cố niềm tin, thúc đẩy đầu tư và hội nhập kinh tế bền vững.

Từ khoá: Giải quyết tranh chấp thương mại; ngoài Tòa án; ADR

Ngày nhận bài: 15/9/2025; **Biên tập xong:** 30/9/2025; **Duyệt đăng:** 23/10/2025

CHOOSING ALTERNATIVE DISPUTE RESOLUTION FOR COMMERCIAL DISPUTES IN THE NEW ERA IN VIETNAM

Abstract: In the context of deep international economic integration and the complex dynamics of global trade relations, Alternative Dispute Resolutions (ADR) are increasingly asserting their essential role in Vietnam. In the 'Breakthrough Era' – a period where Vietnam aims to remove institutional bottlenecks, unleash resources, and build a digital economy and green economy – prioritizing ADR methods such as negotiation, mediation, and arbitration is an objective necessity. These methods not only overcome the inherent limitations of the traditional judicial system (overcrowding, delays, high costs, lack of confidentiality) but also align with the Vietnamese harmony-oriented culture, while meeting demands for flexibility, efficiency, and international enforceability, thereby reinforcing trust, promoting investment, and fostering sustainable economic integration.

Keywords: Commercial dispute resolution; out-of-court; Alternative Dispute Resolutions

Received: Sep 15, 2025; **Editing completed:** Sep 30, 2025; **Accepted for publication:** Oct 23, 2025

Đặt vấn đề

Trong một thế giới đang chứng kiến sự biến động không ngừng của kinh tế - chính trị toàn cầu, các quan hệ kinh tế quốc tế và trong nước ngày càng trở nên phức tạp, kéo theo đó là sự gia tăng của các tranh chấp thương mại với nhiều rủi ro mang tính hệ thống. Khi có tranh chấp thương mại, các bên sẽ cân nhắc lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, các phương thức đó có thể là Tòa án, trọng tài, hoà giải hoặc thương lượng trực tiếp. Trước đây, khi đề cập đến giải quyết tranh chấp, đặc biệt là tranh chấp thương mại, người ta thường nghĩ ngay đến Tòa án – thiết chế nhà nước mang tính quyền lực và cưỡng chế. Hiện nay, trong bối cảnh kinh tế ngày càng phát triển, khi giải quyết tranh chấp thương mại thì các chủ thể đã quan tâm hơn đến các phương thức ADR để giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng chứ không chỉ với quan niệm Tòa án là phương thức lựa chọn tốt nhất trong mọi trường hợp tranh chấp. Khi

một phương thức được gọi là “thay thế”, câu hỏi hiển nhiên được đặt ra là: “thay thế cho cái gì?”. Nếu “phương thức giải quyết tranh chấp thay thế” được thiết lập như một “sự thay thế” cho thủ tục thông thường của Tòa án, một phần của hệ thống tư pháp xây dựng và vận hành bởi Nhà nước¹ thì sẽ giảm tải cho hệ thống giải quyết tranh chấp công. Tuy nhiên, theo dòng lịch sử, các phương thức ADR như thương lượng, hòa giải, trọng tài đã ra đời từ sớm. Trong thời kỳ tiền sử, khi chưa hình thành Nhà nước, các xung đột chủ yếu được giải quyết thông qua thương lượng trực tiếp hoặc hòa giải do người có uy tín thực hiện. Khi xã hội phát triển và Nhà nước hình thành, pháp luật thành văn và thiết chế xét xử ra đời, nhiều hệ thống vẫn công nhận các hình thức hòa giải sơ bộ, trong đó có hoạt động thương mại.

* Email: Phutd@1984@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC & Alan Redfern, Martin Hunter, Alan Redfern, Martin Hunter – *Trọng tài quốc tế (ấn bản lần thứ 6)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2018, tr. 56.

Việt Nam, với nền kinh tế có độ mở thương mại vượt 200% GDP, nằm trong nhóm các nền kinh tế hội nhập sâu nhất thế giới. Điều này thể hiện mức độ phụ thuộc cao vào hệ thống quy chuẩn, thiết chế và xu hướng pháp lý toàn cầu², các tranh chấp thương mại phát sinh từ hoạt động tìm kiếm lợi nhuận của thương nhân ngày càng đa dạng, từ mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, đến xúc tiến thương mại. Trong bối cảnh này, việc hoàn thiện một khuôn khổ pháp lý đa dạng và hiệu quả cho giải quyết tranh chấp thương mại trở thành một yêu cầu cấp bách, không chỉ nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp mà còn góp phần củng cố môi trường đầu tư, kinh doanh của quốc gia. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật Việt Nam đã từng bước ghi nhận và phát triển các phương thức ADR. Từ những quy định sơ khai trong Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế năm 1989 đến các đạo luật chuyên ngành như Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP) đã giúp cho vai trò của ADR ngày càng được khẳng định.

Tuy nhiên, dù có những bước tiến đáng kể, pháp luật về các phương thức ADR ở Việt Nam vẫn còn những khoảng trống và hạn chế, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn hiện nay, việc giải quyết tranh chấp thương mại nhanh chóng, hiệu quả là một yếu tố then chốt. Thiết chế trọng tài và hòa giải, nếu được phát huy đúng mức, sẽ góp phần giảm tải áp lực cho Tòa án, củng cố nền tảng pháp quyền và tạo ra một không gian pháp lý linh hoạt, thân thiện với doanh nghiệp. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật pháp lý mà còn là công cụ chiến lược giúp doanh nghiệp Việt Nam điều hướng rủi ro, chủ động ứng phó trong môi trường toàn cầu đang biến đổi sâu sắc, đồng thời tạo dựng niềm tin cho các đối tác quốc tế. Do đó, bài viết phân tích lựa chọn các phương thức ADR trên thế giới và tại Việt Nam trong thời gian qua, đồng thời nhận diện và luận giải về xu hướng tất yếu của việc ưu tiên các phương thức này trong thời đại vươn mình của Việt Nam.

² Thế Hoàng (2025), *Việt Nam trong top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại*, <https://baodautu.vn/viet-nam-trong-top-20-nen-kinh-te-hang-dau-ve-thuong-mai-d275365.html>, truy cập 15/8/2025.

1. Xu hướng lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án ở các nước trên thế giới và Việt Nam trong thời gian qua

1.1. Xu hướng lựa chọn phương thức ADR trên thế giới

Trên thế giới, xu hướng sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài khuôn khổ tổ tụng Tòa án dần trở nên phổ biến. Các tập đoàn lớn tại Mỹ, như các doanh nghiệp trong danh sách Fortune 1000, ngày càng tránh Tòa án do chi phí, thời gian, rủi ro và tính công khai; họ ưu tiên các giải pháp ngoài Tòa án như trọng tài và hòa giải³. Các phương thức ADR mang bản chất đối lập với hệ thống chính thức, pháp lý (Tòa án), dựa trên quyền tự do định đoạt của các bên.

Thứ nhất, đối với phương thức trọng tài thương mại: Trọng tài được xem là một thiết chế pháp lý có tính chuẩn mực toàn cầu, thay vì chỉ là một phương án thay thế cho Tòa án quốc gia. Trọng tài về bản chất là cơ chế tự nguyện, trung lập, hiệu quả và có giá trị toàn cầu về khả năng áp dụng, các bên có quyền tự do lựa chọn luật điều chỉnh hợp đồng, địa điểm giải quyết tranh chấp, ngôn ngữ và tiêu chí lựa chọn trọng tài viên – những yếu tố quyết định trong việc kiểm soát rủi ro pháp lý. Nhờ Công ước New York năm 1958, phán quyết trọng tài có thể được thi hành tại hơn 170 quốc gia mà không cần thông qua cơ chế công nhận từ nước ngoài, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm thiểu rủi ro thi hành. Trên bình diện quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế vẫn là cơ chế được ưa chuộng nhất. Theo khảo sát quốc tế của Queen Mary University of London năm 2025, có tới 87% người sử dụng ưu tiên trọng tài quốc tế để giải quyết tranh chấp, trong đó 48% lựa chọn kết hợp trọng tài với các phương thức ADR khác⁴. Trong năm 2024, ICC ghi nhận tổng giá trị các tranh chấp lên tới 354 tỷ USD, với hơn 831 vụ mới⁵; SIAC ghi nhận 625 vụ mới, trong đó 91% có yếu tố quốc tế⁶;

³ Thomas J. Stipanowich et al. (2013), *What Does the Fortune 1,000 Survey on Mediation, Arbitration and Conflict Management Portend for International Mediation?*, <https://mediate.com/what-does-the-fortune-1000-survey-on-mediation-arbitration-and-conflict-management-portend-for-international-arbitration/>, truy cập ngày 14/9/2025.

⁴ The Path Forward (2025), *White & Case & Queen Mary University of London, 2025 International Arbitration Survey*, <https://www.qmul.ac.uk/arbitration/media/arbitration/docs/White-Case-QMUL-2025-International-Arbitration-Survey-report.pdf?>, truy cập ngày 12/9/2025.

⁵ ICC Dispute Resolution Statistics 2024, <https://iccwbo.org/news-publications/news/icc-dispute-resolution-statistics-2024>, truy cập ngày 12/9/2025.

⁶ SIAC Annual Report 2024, <https://www.pinsentmasons.com/out-law/news/siac-reveal-steady-caseload-and-wider-international-reach>, truy cập ngày 12/9/2025.

HKIAC cũng đạt con số kỷ lục với 352 vụ trọng tài⁷; LCIA báo cáo 362 vụ, 95% có yếu tố quốc tế⁸. Những con số này cho thấy trọng tài vẫn giữ vị trí trung tâm trong ADR quốc tế bởi khả năng thi hành hiệu quả trên phạm vi toàn cầu. Quá trình giải quyết tranh chấp không được công khai như tại Tòa án giúp bảo vệ các thông tin nhạy cảm về tài chính, kỹ thuật, chiến lược kinh doanh hoặc các mối quan hệ thương mại. Trọng tài thể hiện tính thích nghi cao với những mô hình kinh doanh mới và nhu cầu bảo vệ lợi ích trong các quan hệ hợp tác đa dạng, phức tạp, bao gồm cả các tranh chấp về quyền tài sản, sở hữu trí tuệ và những vấn đề phức tạp liên quan đến công nghệ. Mặc dù tỷ lệ này có thể khác nhau giữa các quốc gia nhưng xu hướng chung là gia tăng. Ví dụ, tại Nhật Bản, người dân và giới kinh doanh thường tránh đưa vụ việc ra Tòa án mà thiên về lựa chọn hòa giải hoặc thỏa thuận trực tiếp.

Thứ hai, phương thức hòa giải thương mại: Phương thức hòa giải cũng được ưa chuộng rộng rãi nhờ tính chất “không đối đầu” và khả năng duy trì mối quan hệ hợp tác giữa các bên. Hòa giải thương mại đang trở thành phương thức được ưu tiên ở nhiều quốc gia nhờ chi phí thấp, hiệu quả và bảo mật. Tại Anh, theo CEDR, năm 2022 có khoảng 17.000 vụ hòa giải, tỷ lệ thành công đạt 92% và 64% được thực hiện trực tuyến⁹. Sự kiện Công ước Singapore về Hòa giải với 59 quốc gia ký kết và 19 quốc gia phê chuẩn đã tạo hành lang pháp lý quốc tế¹⁰. Lý do là hòa giải giúp các bên tiết kiệm chi phí và thời gian nhờ quy trình đơn giản, không ràng buộc bởi thủ tục tố tụng phức tạp, phương thức này mang tính chất xây dựng, hỗ trợ duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa các bên - yếu tố thường bị tổn hại trong quá trình kiện tụng. Tương tự trọng tài, hòa giải không công khai, cho phép các bên bảo mật thông tin nhạy cảm nên nhiều quốc gia coi hòa giải là một công cụ để giảm tải cho hệ thống tư pháp và thúc đẩy văn hóa đối thoại trong kinh doanh. Chỉ thị 2008/52/EC của Liên minh châu Âu yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo rằng quy định về thời hiệu không cản trở các bên khởi kiện tại Tòa án hay trọng tài sau khi hòa giải thất bại.

Thứ ba, phương thức thương lượng trong giải quyết tranh chấp thương mại: Là phương thức đầu tiên mà các bên thường nghĩ tới khi tranh chấp phát sinh trên phạm vi quốc tế. Tại Mỹ, theo ICDR/AAA, khoảng 72% vụ việc kết thúc trước khi có phán quyết trọng tài chính thức¹¹. Tại Nhật Bản, thương lượng được thừa nhận và sử dụng phổ biến như một bước đầu trong giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt trong các mối quan hệ gắn kết như gia tộc, mạng lưới kinh doanh hoặc hiệp hội nghề nghiệp. Thương lượng không có thủ tục pháp lý rườm rà, không cần lệ phí, cho phép các bên linh hoạt tối đa trong việc trình bày quan điểm và đề xuất giải pháp; là quá trình nội bộ, không công khai, giúp các bên bảo vệ thông tin kinh doanh và giữ gìn uy tín.

1.2. Quá trình hình thành và xu hướng lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án tại Việt Nam trong thời gian qua

Tại Việt Nam, các phương thức ADR đã và đang được pháp luật ghi nhận và thúc đẩy, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Pháp luật Việt Nam tôn trọng quyền tự do thỏa thuận và giải quyết tranh chấp của các bên, không có quy định cụ thể nào ràng buộc về trình tự, thủ tục đối với phương thức thương lượng. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã bước đầu xác lập cơ sở pháp lý cho hoạt động hòa giải độc lập, dù vẫn cần hoàn thiện cơ chế công nhận, thi hành kết quả hòa giải. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và sự phát triển của các trung tâm trọng tài đã khẳng định vị thế của trọng tài trong hệ thống giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại.

Thứ nhất, Pháp luật Việt Nam đã từng bước ghi nhận và khuyến khích thương lượng. Điều 317 Luật Thương mại năm 2005 quy định thương lượng là bước đầu tiên, Điều 9 và Điều 38 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cho phép các bên tự do thương lượng trong quá trình tố tụng trọng tài, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 14 Luật Đầu tư năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2024 cũng khuyến khích thương lượng. Đây là phương thức có tính linh hoạt cao, không áp đặt hình thức hay trình tự cứng nhắc. Pháp luật chưa có quy định chế tài hoặc nguyên tắc cụ thể để đảm bảo các bên có thiện chí, tránh kéo dài thời gian, cũng chưa có khung pháp lý rõ ràng về đào tạo và chứng nhận nhà thương lượng chuyên nghiệp, khiến quá trình này phụ thuộc nhiều vào khả năng cá

¹¹ International Centre for Dispute Resolution (ICDR), “Time and Cost - Considering the Impact of Settling International Arbitrations”, *Arbitration Report*, https://www.icdr.org/sites/default/files/document_repository/AAA241_ICDR_Time_and_Cost_Study.pdf, truy cập ngày 12/9/2025.

⁷ HKIAC Statistics 2024, <https://www.hkiac.org/news/hkiac-releases-statistics-2024>, truy cập ngày 12/9/2025.

⁸ LCIA Annual Casework Report 2024, <https://www.lcia.org/News/lcia-2024-annual-casework-report.aspx>, truy cập ngày 12/9/2025.

⁹ CEDR Mediation Audit 2023, tr. 3, <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2023/02/Tenth-CEDR-Mediation-Audit-2023.pdf>, truy cập ngày 12/9/2025.

¹⁰ United Nations Convention on International Settlement Agreements resulting from Mediation, Treaty Series, Vol. 3360/ 2019, https://treaties.un.org/pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtidsg_no=XXII-4&chapter=22&clang=en, truy cập ngày 12/9/2025.

nhân. Kết quả thương lượng nếu đạt được cũng không có giá trị cưỡng chế thi hành nếu không được cụ thể hóa bằng văn bản có tính pháp lý ràng buộc hoặc được Tòa án công nhận.

Thứ hai, đối với phương thức hoà giải thương mại:

Giai đoạn từ năm 1995 đến trước năm 2015:

Nước ta chưa có một văn bản riêng về hòa giải, chỉ có Bộ luật Dân sự (năm 1995, 2005, 2015) và Luật Thương mại (năm 1997, 2005) đã đề cập đến hòa giải như một nguyên tắc định hướng. Luật Đầu tư và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng ghi nhận vai trò của hòa giải trong giai đoạn này.

Giai đoạn từ năm 2015 đến nay: Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 lần đầu tiên thừa nhận quyền yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án (Chương XXXIII). Nghị định số 22/2017/NĐ-CP đánh dấu sự ra đời chính thức của pháp luật chuyên ngành, được xây dựng trong khuôn khổ thực hiện các cam kết gia nhập WTO, CPTPP và EVFTA, phù hợp với Luật mẫu UNCITRAL và đến khi có Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2028 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hoà giải thương mại, và mới đây là việc ban hành Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trong đó có trọng tài và hoà giải thương mại (Nghị định số 112/2025/NĐ-CP). Từ các quy định trên và xu thế ngày càng khuyến khích đối với cơ chế giải quyết bằng hoà giải thương mại, đến tháng 8/2025, nước ta đã có 10 Trung tâm Hòa giải Thương mại được thành lập¹², cùng với một số Trung tâm Trọng tài mở rộng dịch vụ hòa giải thương mại, với tổng cộng 383 hòa giải viên thương mại đang đăng ký hoạt động trên cả nước (trong đó 179 người thuộc Trung tâm Hòa giải Thương mại, 204 người từ Trung tâm Trọng tài có đăng ký dịch vụ hòa giải). Điển hình trong các trung tâm hoà giải giai đoạn này là Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) trực thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), đã tiếp nhận 42 vụ việc hòa giải từ 2018-2024, các vụ việc đa dạng lĩnh vực như mua bán hàng hóa (33.3%), thi công, tư vấn thiết kế xây dựng, hợp tác kinh doanh. Đáng chú ý với 91% số vụ hòa giải thành công và 100% các bên đều tự nguyện thi hành văn bản về kết quả hòa giải thành, thành công này là nhờ VMC có danh sách 54 hòa giải viên Việt Nam và 18 hòa giải viên nước ngoài¹³.

¹² <https://btp.moj.gov.vn/Pages/hoa-giai-thuong-mai.aspx>, truy cập ngày 26/8/2025.

¹³ Báo cáo của VMC, thuộc VIAC ngày 12/8/2025.

Thứ ba, phương thức trọng tài thương mại:

Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1994: Trong giai đoạn này, nước ta tồn tại hình thức Trọng tài Kinh tế Nhà nước (cơ quan hành chính) và các tổ chức trọng tài phi chính phủ (Hội đồng Trọng tài Ngoại thương, Hàng hải) chủ yếu giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài, nhưng vai trò còn hạn chế bởi thời điểm này nước ta chưa hoàn toàn thống nhất. Sau khi thống nhất, đất nước mới thực hiện công cuộc cải cách nên những hạn chế trên phần nhiều là do những yếu tố khách quan tác động bởi các hoạt động thương mại chưa được mở rộng, các doanh nghiệp đang có hạn chế, hội nhập quốc tế chưa thực sự sâu rộng.

Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2010: Giai đoạn này chúng ta đã thực hiện giải thể Trọng tài Kinh tế Nhà nước và thay thế bằng mô hình trọng tài phi Nhà nước với Nghị định số 116/CP ngày 05/9/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của trọng tài kinh tế. Sau này, việc ban hành Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003 phần nào đã nâng tầm địa vị pháp lý của trọng tài với tư cách là một trong các phương thức ADR có vị thế là một phương thức độc lập gắn với xu thế phát triển kinh tế hội nhập. Để luật hoá các quy định về trọng tài thương mại, Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 được ban hành có hiệu lực thay thế cho Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003. Tính đến thời điểm ban hành Luật Trọng tài thương mại, nước ta có 07 Trung tâm trọng tài hoạt động, nhưng trừ VIAC hoạt động sôi nổi và đã dần khẳng định được thương hiệu, còn các trung tâm trọng tài khác hoạt động vẫn ở mức độ giới hạn nhất định so với yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay: Sau khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 ban hành và có hiệu lực từ 01/01/2011, văn bản pháp luật này được coi là đạo luật toàn diện đầu tiên, tiếp thu các nguyên tắc cơ bản của Luật Mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại. Kể từ khi ban hành Luật Trọng tài đến tháng 4/2025, nước ta có tổng cộng 49 Trung tâm Trọng tài Thương mại và một Văn phòng đại diện của Ủy ban Trọng tài Thương mại Hàn Quốc đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam¹⁴. Hầu hết các trung tâm tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng trọng tài viên trên cả nước đã vượt qua mốc 700 người, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài, VIAC có số lượng trọng tài viên lớn nhất là 204 người (với 167 trọng tài viên Việt Nam và 37 trọng tài viên nước ngoài). Trong số các trung tâm trọng tài thì VIAC - trung tâm trọng tài lớn nhất ở Việt Nam, trong giai đoạn 1993 – 2024 đã thụ

¹⁴ <https://btp.moj.gov.vn/qt/Pages/trong-tai-tm.aspx?Keyword=&Field=&Page=5>, truy cập ngày 22/8/2025.

lý 3.391 vụ tranh chấp (riêng năm 2024 thụ lý 475 vụ) với tổng giá trị 87.078 tỉ đồng (~ 3,37 tỉ USD)¹⁵. Có thể nói, số lượng trung tâm trọng tài ở nước ta hiện nay là khá lớn, “các trung tâm trọng tài được phát triển sẽ góp phần giảm tải áp lực cho Tòa án, cho Nhà nước trong việc giải quyết những tranh chấp thương mại, tạo cho đất nước một nhân tố bổ sung năng lực cạnh tranh của nền kinh tế”¹⁶. Tuy nhiên, năng lực và tính chuyên nghiệp của nhiều trọng tài viên còn hạn chế và chỉ một số ít trung tâm và trọng tài viên có khả năng xử lý các vụ kiện quốc tế lớn, phức tạp. Mặc dù trung tâm trọng tài và số lượng trọng tài viên đã có sự gia tăng, nhưng nhìn chung doanh nghiệp Việt Nam chưa có niềm tin vững chắc vào tính hiệu lực và khả năng thi hành các phán quyết trọng tài trong nước, chủ yếu do tình trạng Tòa án hủy phán quyết trọng tài với các lý do “mơ hồ” như “vi phạm nghiêm trọng trình tự tố tụng” hoặc “trái các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Trong số các phán quyết của trọng tài bị hủy giai đoạn 2011 – 2024, có 181 phán quyết trọng tài được yêu cầu hủy, tổng số được hủy là 43, số phán quyết bị hủy lý do trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là 20¹⁷. Vẫn còn mâu thuẫn về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với phán quyết trọng tài nước ngoài giữa Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại. Thiếu cơ chế công nhận và thi hành biện pháp khẩn cấp tạm thời do trọng tài nước ngoài ban hành. Mặc dù Luật Trọng tài thương mại ghi nhận vai trò hỗ trợ của Tòa án, nhưng mối quan hệ này còn thiếu rõ ràng, nhất quán. Tòa án có thể xem xét lại thẩm quyền của trọng tài ở giai đoạn hủy phán quyết, dù trước đó đã bác đơn khiếu nại về thẩm quyền, gây lộn xộn xét xử và giảm tính hiệu lực.

Dù còn có những hạn chế trong lựa chọn các phương thức ADR, theo thống kê, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam thời gian qua được các chủ thể lựa chọn, thương lượng là phương thức phổ biến nhất với 57.83% doanh nghiệp lựa chọn, tiếp theo là hòa giải với 51.43%, trong khi trọng tài được 8.45%, Tòa án được 16.87%¹⁸. Sự ưu tiên thương lượng phản ánh tính đơn giản, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí của phương thức này. Tuy

nhiên, thương lượng không được hỗ trợ bởi một cơ chế ràng buộc để thực thi thỏa thuận, dẫn đến việc các bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án hoặc trọng tài sau đó. Hòa giải, mặc dù có nhiều lợi thế, vẫn chưa được nhiều doanh nghiệp nhận biết và đặt niềm tin nên tỷ lệ còn thấp so với Tòa án và trọng tài. Trong bối cảnh như vậy, việc khai thác hiệu quả các phương thức ADR không chỉ là một yêu cầu pháp lý mà còn là một chiến lược quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam.

2. Dự báo xu hướng lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án ở Việt Nam trong thời đại mới

2.1. Lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại đáp ứng yêu cầu của “kỷ nguyên bút phá” và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Như đã nêu ở trên, Việt Nam đang đặt ra mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế chia sẻ, cùng với việc hình thành các trung tâm tài chính quốc tế tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới và việc ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Những mô hình kinh tế mới này đòi hỏi một cơ chế giải quyết tranh chấp nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả và có khả năng thích ứng cao, điều mà hệ thống Tòa án truyền thống khó có thể đáp ứng hoàn toàn. Giải quyết nhanh chóng các tranh chấp kinh tế, thương mại chính là giải phóng nguồn lực cho sự phát triển.

Thứ nhất, giảm tải áp lực cho Tòa án. Hệ thống Tòa án Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng quá tải nghiêm trọng, đặc biệt tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng. Số lượng vụ án dân sự, kinh tế yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lớn gấp hàng trăm lần số vụ trọng tài xử lý. Sự quá tải này ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và chất lượng xét xử, gây bế tắc và ứ đọng các nguồn lực xã hội. Các phương thức ADR có khả năng lọc ra các tranh chấp có thể giải quyết bằng thương lượng, hoà giải, trọng tài, qua đó giúp Tòa án tập trung vào những vụ việc thực sự phức tạp và mang tính nguyên tắc pháp lý cao. Đây là một yếu tố tương hỗ phát triển to lớn giữa Tòa án và không những trọng tài mà còn là hoà giải và thương lượng.

Thứ hai, lựa chọn phương thức ADR là phù hợp với đặc trưng kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhấn mạnh quyền tự do kinh doanh và quyền tự định đoạt của các bên. Các phương thức ADR được xây dựng trên nền tảng tự nguyện và thỏa thuận, cụ thể hóa rõ nét quyền này, tạo nên một hành lang pháp lý linh hoạt và thân thiện với bản chất của các quan hệ thương mại tự do, độc lập, chủ động, sáng tạo.

¹⁵ Báo cáo của VIAC ngày 12/8/2025.

¹⁶ Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, “Thiết chế trọng tài trong thời kỳ nguyên mới của đất nước”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, số 11+12/2024.

¹⁷ Tờ trình số 186/TTr-HLGVN ngày 03/6/2024 của Hội Luật gia Việt Nam đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trọng tài thương mại, tr. 4.

¹⁸ <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=67942>, truy cập ngày 26/8/2025.

2.2. Khắc phục hạn chế của hệ thống tư pháp truyền thống và tối ưu hóa lợi ích kinh doanh

Mặc dù Tòa án là thiết chế quan trọng trong bảo vệ công lý, nhưng phương thức tổ tụng tại Tòa án vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cố hữu, đặc biệt trong bối cảnh thương mại hiện đại.

Thứ nhất, tính phù hợp về thời gian và chi phí. Việc giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án thường mất nhiều thời gian, có thể kéo dài nhiều tháng, thậm chí vài năm, với chi phí đáng kể. Điều này đặc biệt bất lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, gây đình trệ nguồn lực, ảnh hưởng đến danh tiếng và quan hệ đối tác. Ngược lại, các phương thức ADR thường nhanh chóng hơn, ít thủ tục rườm rà về mặt pháp lý, giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí để doanh nghiệp tập trung giải quyết các công việc kinh doanh.

Thứ hai, đảm bảo được tính bảo mật khi giải quyết tranh chấp. Tổ tụng tại Tòa án thường công khai, khiến các thông tin nhạy cảm về tài chính, công nghệ, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có thể bị tiết lộ, ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng và hoạt động kinh doanh. Các phương thức ADR, đặc biệt là hòa giải và trọng tài, bảo vệ tính riêng tư, an toàn cho các bên, giúp giữ kín thông tin liên quan đến tranh chấp.

Thứ ba, bảo toàn quan hệ đối tác trong hoạt động thương mại. Tìm kiếm khách hàng đã khó, giữ được mối quan hệ với khách hàng thì càng khó hơn, nhưng khi có tranh chấp thương mại nếu giải quyết bằng tổ tụng Tòa án thường mang tính đối kháng “thắng – thua”, làm tổn hại nghiêm trọng đến mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các bên. Trong khi đó, các phương thức ADR, đặc biệt là thương lượng và hòa giải, hướng tới việc tìm ra giải pháp có lợi cho cả hai bên, từ đó duy trì hoặc thậm chí nâng cao quan hệ hợp tác. Điều này phù hợp với văn hóa châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng, vốn đề cao hòa khí, trọng chữ tình, hài hòa và tránh đối đầu.

2.3. Yêu cầu của hội nhập quốc tế và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ là mở cửa thị trường mà còn là quá trình “đồng bộ hóa” thể chế quốc gia với chuẩn mực pháp lý toàn cầu. Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA.

Thứ nhất, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực quốc tế. Các FTA thế hệ mới đều nhấn mạnh yêu cầu minh bạch hóa và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, thường ưu tiên các phương thức ngoài Tòa án như trọng tài. Việc phát triển các phương thức ADR tại Việt Nam là cần thiết để đáp ứng các chuẩn mực quốc tế như Luật mẫu UNCITRAL về trọng tài và hòa giải, Công ước New York năm 1958 và Công ước Singapore năm 2019.

Thứ hai, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Các doanh nghiệp nước ngoài thường ngại đưa vụ việc ra Tòa án Việt Nam do thủ tục tổ tụng phức tạp, thời gian kéo dài và khả năng áp dụng luật nước ngoài còn hạn chế. Việc phát triển các phương thức ADR giảm bớt những lo ngại đó, gia tăng niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào hệ thống pháp lý trong nước, qua đó thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Thứ ba, hạn chế xung đột pháp luật. Các phương thức ADR được nhìn nhận là công cụ hạn chế “xung đột pháp luật” trong tranh chấp thương mại toàn cầu, nhờ khả năng áp dụng luật do các bên tự thỏa thuận và các quy tắc tổ tụng linh hoạt. Điều này tạo ra một không gian pháp lý linh hoạt, giúp các chủ thể trong hoạt động thương mại điều hướng rủi ro và duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh xuyên biên giới.

Thứ tư, khả năng thi hành quốc tế. Phán quyết trọng tài quốc tế được bảo đảm thực thi tại hơn 170 quốc gia theo Công ước New York năm 1958. Khả năng thi hành hiệu quả trên phạm vi toàn cầu là điểm hấp dẫn khiến trọng tài trở thành lựa chọn ưu tiên hàng đầu so với phương thức Tòa án bị ràng buộc bởi phạm vi lãnh thổ quốc gia.

2.4. Cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân

Quyền tự do kinh doanh là quyền kinh tế cơ bản, được Hiến pháp Việt Nam năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025 ghi nhận. Trong nền kinh tế thị trường, quyền này không chỉ dừng lại ở việc “được phép kinh doanh” mà còn bao hàm quyền được tự do lựa chọn các công cụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp, trong đó có phương thức giải quyết tranh chấp.

Thứ nhất, tự do thỏa thuận và định đoạt. Các phương thức ADR trao cho các bên tranh chấp quyền tự do lựa chọn người giải quyết (hòa giải viên, trọng tài viên), ngôn ngữ, địa điểm, luật áp dụng và thủ tục tổ tụng. Sự chủ động này là biểu hiện cụ thể của quyền định đoạt, quyền tự quyết trong tranh chấp – một phần thiết yếu trong quyền tự do kinh doanh của thương nhân.

Thứ hai, linh hoạt trong quy trình. Phương thức ADR trao cho thương nhân cơ hội giải quyết tranh chấp một cách linh hoạt, không bị trói buộc bởi trình tự tổ tụng cứng nhắc của Tòa án. Ví dụ, trong hòa giải, các bên có thể chủ động chấm dứt tranh chấp ngay khi đạt được điểm đồng thuận, không cần phải chờ một phán quyết như tại Tòa án. Điều này thể hiện rõ nguyên tắc “thương nhân tự quyết – tự chịu trách nhiệm”, giúp tăng cường trách nhiệm cá nhân và đạo đức kinh doanh.

Thứ ba, “bảo hiểm pháp lý”. Với ưu điểm về tốc độ, bảo mật và khả năng kiểm soát quá trình giải quyết tranh chấp, các phương thức

ADR đóng vai trò như “bảo hiểm pháp lý” cho các thương nhân khi xảy ra sự cố, tạo lập một môi trường kinh doanh ổn định, minh bạch, ít rủi ro.

2.5. Nhu cầu về phương thức giải quyết tranh chấp công tác, linh hoạt và đa tầng

Trong thời đại mới, các doanh nghiệp không chỉ quan tâm đến kết quả thắng-thua mà còn đề cao quy trình giải quyết tranh chấp mang tính xây dựng và khả năng duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài.

Thứ nhất, giải pháp “win-win”: Các phương thức ADR hiệu quả không nhằm mục tiêu thắng-thua, mà là tìm ra giải pháp có lợi cho cả hai bên, từ đó duy trì hoặc thậm chí nâng cao quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững, gắn kết, tạo tiền đề cho các hoạt động thương mại về sau.

Thứ hai, cơ chế kết hợp: Để tận dụng ưu điểm của từng phương thức và khắc phục hạn chế của việc áp dụng đơn lẻ, nhiều quốc gia đã phát triển các mô hình giải quyết tranh chấp kết hợp (ví dụ: Arb-Med-Arb). Việt Nam cũng đang có xu hướng phát triển các mô hình tích hợp giữa trọng tài và hòa giải, như gói Trọng tài – Hòa giải (Med-Arb) hay quy trình Trọng tài – Hòa giải – Trọng tài (Arb-Med-Arb) do VIAC và VMC cung cấp. Việc thể chế hóa các mô hình này sẽ tăng cường tính linh hoạt và phản ứng kịp thời với các yêu cầu bảo vệ quyền lợi cấp bách của các bên.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ số (ODR): “Kỷ nguyên bút phá” gắn liền với chuyển đổi số. Việc ứng dụng công nghệ số vào các phương thức ADR (như thương lượng điện tử, hòa giải trực tuyến, trọng tài điện tử) sẽ giúp giảm thiểu rào cản về chi phí và khoảng cách địa lý, nâng cao hiệu quả và khả năng tiếp cận công lý cho các doanh nghiệp. VIAC eCase là một ví dụ điển hình cho xu hướng này, với mục tiêu trở thành nền tảng tích hợp tất cả trong một cho hoạt động nộp đơn điện tử và quản lý vụ tranh chấp trực tuyến.

Tóm lại, xu hướng lựa chọn các phương thức ADR ở Việt Nam trong thời đại mới là một sự chuyển dịch tất yếu, được thúc đẩy bởi nhu cầu nội tại của nền kinh tế thị trường, áp lực từ hội nhập quốc tế và khả năng khắc phục những hạn chế của hệ thống tư pháp truyền thống. Để đáp ứng xu thế này, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường nhận thức xã hội về vai trò chiến lược của ADR trong một nền kinh tế năng động và hội nhập.

Kết luận

Sau nhiều thập kỷ đổi mới và hội nhập, Việt Nam đang bước vào một “kỷ nguyên bút phá”, đòi hỏi sự chuyển mình mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là hệ thống pháp lý nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững. Trong bối cảnh này, việc nhìn nhận và phát huy vai trò

của các phương thức ADR không chỉ là một lựa chọn mà đã trở thành một tất yếu khách quan. Qua phân tích, có thể khẳng định rằng, xu hướng ưu tiên lựa chọn các phương thức ADR như thương lượng, hòa giải và trọng tài tại Việt Nam trong thời gian tới là không thể đảo ngược. Mặc dù đã có những thành tựu đáng ghi nhận về phát triển pháp luật và cơ sở hạ tầng cho ADR tại Việt Nam (như sự ra đời của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, sự phát triển của VIAC, VMC và các trung tâm trọng tài, hoà giải trên cả nước), vẫn còn nhiều thách thức. Niềm tin vào các phán quyết trọng tài trong nước cần được củng cố, chất lượng đội ngũ chuyên gia pháp lý cần nâng cao, và sự thiếu nhất quán trong áp dụng pháp luật, đặc biệt từ phía Tòa án trong vai trò hỗ trợ và giám sát, cần được khắc phục một cách đồng bộ.

Để thực sự phát huy vai trò chiến lược của ADR, cần có một chiến lược phát triển quốc gia mang tầm nhìn toàn diện, dài hạn và thực chất. Điều này đòi hỏi sự đồng hành của Nhà nước (thông qua việc hoàn thiện thể chế và chính sách hỗ trợ), Tòa án (với vai trò hỗ trợ hiệu quả và giám sát đúng mức), các trung tâm trọng tài và hòa giải (nâng cao chất lượng hoạt động và nhân sự), cộng đồng doanh nghiệp (nâng cao nhận thức và chủ động lựa chọn), và giới học thuật (nghiên cứu, đề xuất giải pháp). Khi ADR trở thành “giải pháp chủ động” thay vì chỉ là “giải pháp cuối cùng”, hệ thống pháp luật sẽ trở nên hiện đại, công bằng, hiệu quả, góp phần khai thông các nguồn lực, tạo dựng niềm tin và thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội bền vững của Việt Nam trong “kỷ nguyên bút phá”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, “Thiết chế trọng tài trong kỷ nguyên mới của đất nước”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, số 11+12/2024;
2. Lê Hồng Hạnh (chủ nhiệm) (2010), *Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học Pháp lý – Bộ Tư pháp, Hà Nội;
3. Đoàn Trung Kiên (chủ nhiệm) (2019), *Pháp luật về hoà giải thương mại ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Tư pháp, Hà Nội;
4. Đoàn Trung Kiên (chủ nhiệm) (2020), *Pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài – Thực trạng và hướng hoàn thiện*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Tư pháp, Hà Nội;
5. Nguyễn Quang Tuyền, *Những vấn đề hiện đại của pháp luật kinh tế Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024;
6. Bộ Tư pháp – Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hội thảo khoa học cấp Quốc gia, Hà Nội.